TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-ST
Ngày: 17/7/2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Khoa;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2019/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Cùng ngụ ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Do chỗ quen biết, ông có cho ông Đ1 vay tiền nhiều lần. Cụ thể:

- Đợt I: Ngày 25/12/2017 cho ông Đ1 vay 120.000.000 đồng, đưa cho vợ chồng Đ1 tại nhà của Đ1, với lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Mục đích ông Đ1 đi vay làm vốn mua bán xoài lo kinh tế gia đình;

- Đợt II: Ngày 06/01/2018 cho ông Đ1 vay 40.000.000 đồng, đưa cho vợ chồng Đ1 tại nhà của Đ1, với lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Mục đích ông Đ1 đi vay làm vốn mua bán xoài lo kinh tế gia đình;

- Đợt III: Ngày 26/4/2018 cho ông Đ1 vay 40.000.000 đồng, đưa cho vợ chồng Đ1 tại nhà của Đ1, với lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Mục đích ông Đ1 đi vay làm vốn mua bán xoài lo kinh tế gia đình;

Các lần cho vay đều không làm biên nhận. Sau đó, đến ngày 27/4/2018 có làm biên nhận do ông Đ1 ký tên. Đến thời hạn ông Đ1 không thực hiện trả vốn, lãi nên ông có yêu cầu địa phương giải quyết. Tại đây, ông Đ1 thừa nhận còn nợ ông số tiền 200.000.000đ và xin trả dần, nhưng ông Đ1 không thực hiện. Trước đây, tại đơn khởi kiện ông Đ yêu cầu ông Trần Văn Đ1, bà Võ Thị D (là vợ ông Đ1) có nghĩa vụ trả số tiền vay là 200.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/8/2018 đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ rút lại yêu cầu tính lãi, ông Đ chỉ yêu cầu ông Trần Văn Đ1, bà Võ Thị D (là vợ ông Đ1) có nghĩa vụ trả số tiền vay là 200.000.000 đồng. Ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Văn Đ1 trình bày: Ông có vay tiền của ông Đ nhiều lần, cụ thể:

- Đợt I: Ngày 08/8/2017 (âm lịch) vay số tiền 50.000.000 đồng, không nói rõ mức lãi suất, không nói thời hạn trả;

- Đợt II: Ngày 13/8/2017 (âm lịch) vay số tiền 50.000.000 đồng, không nói rõ mức lãi suất, không nói thời hạn trả;

- Đợt III: Ngày 27/8/2017 (âm lịch) vay số tiền 40.000.000 đồng, không nói rõ mức lãi suất, không nói thời hạn trả;

- Đợt IV: Ngày 10/9/2017 (âm lịch) vay số tiền 20.000.000 đồng, không nói rõ mức lãi suất, không nói thời hạn trả.

Tất cả các lần vay đều không làm biên nhận. Ông có đóng lãi đến tháng 4/2018 Đ1 số tiền khoảng 160.000.000 đồng. Do không có khả năng trả lãi nên còn nợ tiền lãi khoảng 40.000.000 đồng nên ông có làm biên nhận nợ không nhớ ngày tháng với số tiền nợ ông Đ vốn 160.000.000 đồng và tiền lãi 40.000.000 đồng, tổng cộng nợ là 200.000.000 đồng. Sự việc ông Đ có thưa ra Ban ấp, tại đây ông có thừa nhận số nợ 200.000.000 đồng, ông đồng ý trả cho ông Đ nhưng có xin trả dần. Tại phiên tòa hôm nay, ông thừa nhận có nợ ông Đ số tiền 200.000.000 đồng, đồng ý trả cho ông Đ số tiền này. Mục đích ông vay tiền của ông Đ để làm vốn mua bán, xoay sở trong gia đình, việc

ông vay tiền của ông Đ, vợ ông không biết. Việc ông trình bày về những lần vay tiền và việc trả tiền lãi cho ông Đ ông không có gì chứng minh.

Bị đơn bà Võ Thị D đã Đ1 Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự vắng mặt nên không ghi nhận Đ1 ý kiến và hòa giải Đ1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Đ1 thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện ông Trần Văn Đ1, bà Võ Thị D. Ông Đ1, bà D có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn bà Võ Thị D đã Đ1 Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, ông Đ yêu cầu ông Trần Văn Đ1, bà Võ Thị D trả số tiền vay. Do vậy, vụ án Đ1 xác định là tranh chấp Hợp đồng dân sự về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông rút lại yêu cầu tính lãi trên số tiền 200.000.000 đồng. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và sự thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của ông Đ là phù hợp.

[5] Xét lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa hôm nay ông Đ và ông Đ1 đều thống nhất, ông Đ1 có vay của ông Đ số tiền 200.000.000 đồng và có làm biên nhận vào ngày 27/4/2018. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có cơ sở xác định giữa các bên đã xác lập Hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đây là hợp đồng hợp pháp nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Do ông Đ1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Đ khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay ông Đ1 cũng đồng ý trả số tiền này cho ông Đ. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa ông Đ và ông Đ1, qua đó buộc ông Đ1 có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 200.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[6] Xét yêu cầu của ông Đ yêu cầu bà D có nghĩa vụ cùng với ông Đ1 trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay ông Đ không

chứng minh Đ1 việc ông cho ông Đ1 vay tiền có sự chứng kiến của bà D. Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy bà D không trực tiếp vay tiền của ông Đ nhưng ông Đ1 và bà D là vợ chồng hiện nay vẫn còn sống chung, ông Đ1 xác định vay tiền làm vốn mua bán, xoay sở trong gia đình. Do đó, có cơ sở buộc bà D có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Đ1 trả cho ông Đ số tiền trên là phù hợp Điều 288 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[7] Do ông Đ không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc ông Đ1 và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ số tiền 200.000.000 đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Đ1, bà D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 224, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Đ đối với ông Trần Văn Đ1 và bà Võ Thị D.

Buộc ông Trần Văn Đ1 và bà Võ Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Ngọc Đ số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) ông Trần Văn Đ1 và bà Võ Thị D phải chịu.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Ngọc Đ số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ (Năm triệu đồng) mà ông đã nộp theo biên lai số 0012870, ngày 05/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định Đ1 thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư